

Số: 08/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 11 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 109 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ khoản 3 Điều 4; điểm c khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 23; khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 27/TTr-TNMT ngày 09 tháng 02 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024 (sau đây viết tắt là Luật Đất đai); Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây viết tắt là Nghị định số 88/2024/NĐ-CP) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, gồm:

a) Điểm b khoản 4 Điều 109 Luật Đất đai về mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất;

b) Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP quy định tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở để bồi thường cho người có đất thu hồi;

c) Điểm c khoản 1, Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP quy định mức bồi thường thiệt hại khi thực hiện công trình không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất;

d) Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP quy định mức hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật Đất đai mà có nhu cầu tự lo chỗ ở;

đ) Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP quy định suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở, nhà ở, bằng nhà ở và bằng tiền.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan chuyên môn liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; chủ đầu tư xây dựng công trình, dự án; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

b) Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 2. Mức hỗ trợ bằng hình thức đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 109 Luật Đất đai

1. Điều kiện, thời gian hỗ trợ, hình thức đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thực hiện theo Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi (sau đây viết tắt là Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg).

2. Người có đất thu hồi được hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng được hỗ trợ chi phí đào tạo cho một khóa học theo Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng như sau:

a) Người khuyết tật: Mức 06 triệu đồng/người/khóa học.

b) Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức 04 triệu đồng/người/khóa học.

c) Người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm: Mức 03 triệu đồng/người/khoá học.

d) Người thuộc hộ cận nghèo: Mức 2,5 triệu đồng/người/khoá học.

đ) Người học là phụ nữ, lao động nông thôn không thuộc các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c và d của khoản này: Mức 02 triệu đồng/người/khoá học.

3. Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại theo Điều 5 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng

a) Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

b) Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học; hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khoá học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

c) Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khoá học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

4. Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng được hỗ trợ học phí cho một khoá học theo mức học phí từng thời điểm của Trường Cao đẳng nghề Tuyên Quang.

5. Mức hỗ trợ người có đất nông nghiệp, đất kinh doanh thu hồi được hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài một lần theo hợp đồng quy định tại Điều 10 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Thông tư số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng như sau:

a) Hỗ trợ đào tạo nghề: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ: Theo mức cụ thể của từng khoá học và thời gian học thực tế, tối đa 3 triệu đồng/người/khoá học;

c) Bồi dưỡng kiến thức cần thiết theo chi phí thực tế, tối đa 530.000 đồng/người/khoá học;

d) Chi phí đi lại (01 lượt đi và về) từ nơi cư trú hợp pháp đến địa điểm đào tạo: mức 200.000 đồng/người/khoá học đối với người lao động cư trú cách địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên; mức 300.000 đồng/người/khoá học đối với người lao động cư trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn cách địa điểm đào tạo từ 10 km trở lên;

đ) Riêng người lao động thuộc huyện nghèo được hỗ trợ thêm tiền ở trong thời gian đào tạo là 400.000 đồng/người/tháng và hỗ trợ tiền trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu mức 600.000 đồng/người/khoá đào tạo theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

e) Hỗ trợ một lần chi phí để làm thủ tục trước khi đi làm việc ở nước ngoài:

Lệ phí làm hộ chiếu mức từ 180.000 đồng/lần/người đến 200.000 đồng/lần/người cấp mới (tùy theo thời điểm) theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp mức 200.000 đồng/người theo quy định tại Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

Lệ phí làm thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận.

Chi phí khám sức khoẻ theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khoẻ đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài, mức hỗ trợ tối đa 750.000 đồng/người theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 3. Quy định tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi để bồi thường cho hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp, đất ở (quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

1. Tỷ lệ quy đổi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp, đất ở quy định như sau:

a) Tỷ lệ quy đổi để bồi thường bằng đất được xác định bằng giá đất của loại đất thu hồi chia cho giá đất của loại đất bồi thường theo bảng giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài có đất thu hồi được bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi mà có chênh lệch giá trị giữa tiền bồi thường, hỗ trợ về đất với tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp khi được giao đất khác thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

2. Điều kiện được bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp, đất ở như sau:

a) Trên địa bàn cấp huyện có quỹ đất để bồi thường; trường hợp địa phương không có quỹ đất để bồi thường thì bồi thường bằng tiền theo quy định.

b) Người bị thu hồi đất nông nghiệp đề nghị bồi thường bằng đất ở phải thuộc trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở và có đủ điều kiện tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú.

c) Hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi phải có đơn đăng ký nhu cầu bồi thường bằng đất khác với loại đất bị thu hồi gửi Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại thời điểm kiểm đếm thực tế.

Điều 4. Bồi thường thiệt hại đối với diện tích đất do công trình làm hạn chế khả năng sử dụng đất nhưng không làm thay đổi mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất ở: Mức bồi thường bằng 80% mức bồi thường của đất cùng loại nếu thu hồi nhân (x) với giá đất trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Diện tích đất được bồi thường là diện tích nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình và phải trong diện tích được cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, đủ điều kiện bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các loại đất còn lại, mức bồi thường bằng 50% mức bồi thường của đất cùng loại nếu thu hồi nhân (x) với giá đất trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Diện tích đất được bồi thường là diện tích nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình và trong hạn mức giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 5. Hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật Đất đai mà có nhu cầu tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất bằng tiền còn được nhận tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Hỗ trợ tiền để tự lo chỗ ở cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP bằng mức chênh lệch giữa giá trị tiền bồi thường về đất ở với giá trị tính bằng tiền của 01 suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định một số mức hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 6. Quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP về việc hỗ trợ thuê nhà ở, giao đất ở, hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi khi người đang sử dụng nhà ở bị thu hồi có nhu cầu và địa phương có quỹ đất ở tái định cư thì xem xét giao đất ở có thu tiền sử dụng đất; trường hợp tự lo chỗ ở mới thì được hỗ trợ bằng tiền như sau:

1. Hỗ trợ một lần tiền thuê nhà với mức là 3.000.000 đồng/tháng, trong thời gian 06 tháng.

2. Trường hợp người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước bị thu hồi mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi có nhu cầu và địa phương có quỹ đất ở tái định cư thì xem xét giao đất ở có thu tiền sử dụng đất theo quy định.

3. Hỗ trợ tái định cư bằng 20% (đối với địa bàn thị trấn, các phường thuộc thành phố Tuyên Quang) và bằng 30% (đối với địa bàn còn lại) giá trị quyền sử dụng đất tại vị trí bị thu hồi của một (01) lô đất ở theo hạn mức giao đất ở mới của tỉnh tại thời điểm thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân hoặc tự lo chỗ ở mới.

Điều 7. Quy định chuyển tiếp

Trường hợp đã có Quyết định thu hồi đất từ trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 và từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2025.
2. Quyết định này bãi bỏ Điều 7, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.
2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có phát sinh vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh qua (Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, quyết định theo quy định pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Thường trực Tỉnh ủy
- Thường trực HĐND tỉnh
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Như Điều 9;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh
- Công báo tỉnh
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, (Chính).

(báo cáo);

(đăng tải);

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Tuấn